

CHƯƠNG 4

मुनौ ब्रुवाणेऽपि तु तत्र धर्मं धर्मं प्रति ज्ञातिषु चादृतेषु ।

प्रासादसंस्थो मदनैककार्यः प्रियासहायो विजहार नन्दः ॥ १ ॥

Trong khi Đức Phật đang thuyết giảng Giáo-pháp ở thành Kapilavastu giữa đám thần quyến đang chú tâm hưởng về chân lý, thì Nanda đang cùng người yêu ở trong cung và bọn say đắm chuyện yêu đương. (1)

स चक्रवाक्येव हि चक्रवाकस्तथा समेतः प्रियया प्रियार्हः ।

नाचिन्तयद्वैश्वमर्णं न शर्कं तत्स्थानहेतोः कुत एव धर्मं ॥ २ ॥

Bởi vì để được xứng đáng với người yêu, Nanda luôn ở cạnh nàng như một chú vịt trời trống* quẩn quanh bên ở vịt trời mái vậy. Với sự hiện diện của nàng, Nanda chẳng còn quan tâm gì đến thần Vaisramaṇa* (Vai-s-rá-má-ná) hay thần Indra, thì làm sao còn thời gian mà nghĩ đến Giáo-pháp được! (2)

लक्ष्म्या च रूपेण च सुन्दरीति स्तम्भेन गर्वेण च मामिनीति ।

दीप्त्या च मानेन च भामिनीति यातो बभाषे त्रिविधेन नाम्ना ॥ ३ ॥

Còn nàng thường đề cập đến tên ba người về ba phương diện: Sundari với sự lộng lẫy và sắc đẹp, Māriṇi với sự buông bình và tự mãn, và Bhāmini với vẻ yêu kiều và trí tuệ sắc sảo. (3)

सा हासहंसा नयनद्विरेफा पीनस्तनात्पुञ्जतपद्मकोशा ।

भूयो बभासे स्वकुलोदितेन स्त्रीपद्मिनी नन्ददिवाकरेण ॥ ४ ॥

Nàng thật là tuyệt vời giữa đám nữ nhân, có giọng cười như tiếng hát của chim thiên nga, đôi mắt đen như màu của loài ong rừng, với bộ ngực săn đầy như búp sen mới lú. Nàng càng rực rỡ hơn nữa khi ở cạnh Nanda, vì chàng như là một mặt trời trường thành từ giòng dõi vua chúa của chính bản thân. (4)

रूपेण चात्यन्तमनोहरेण रूपानुरूपेण च चेष्टितेन ।

मनुष्यलोके हि तदा बभूव सा सुन्दरी स्त्रीषु नरेषु नन्दः ॥ ५ ॥

Bởi vì trong thế giới loài người thời bấy giờ, người có sắc đẹp cực kỳ tuyệt mỹ và đáng đi đứng hài hòa với vóc dáng, thì trong đám nữ nhân là Sundari (Sun-đá-rì), còn trong hàng nam giới là Nanda (Nan-đá). (5)

सा देवता नन्दनचारिणीव कुलस्य नान्दीजननश्च नन्दः ।

अतीत्य मर्त्यानुपेत्य देवान् सृष्टावभूतामिव भूतधात्रा ॥ ६ ॥

Sundari như là vị tiên nữ đang dạo chơi ở khu vườn hoa Nandana*, còn Nanda lại là nguồn vui của gia đình. Đường như trong khi được tạo ra bởi Đấng Tạo-hóa, cả hai người đã vượt lên trên thế giới loài người nhưng chưa thể trở thành tiên được. (6)

तां सुन्दरीं चेन्न लभेत नन्दः सा वा निषेवेत न तं नतभूः ।

इन्द्रं ध्रुवं तद्विकलं न शोभेतान्योन्यहीनाविव रात्रिचन्द्रौ ॥ ७ ॥

Nếu Nanda không có được nàng Sundari, hoặc là người đẹp có lòng máy công vút ấy không được kết

hợp với chàng, thì cặp trai gái xứng đôi ấy sẽ không còn lộng lẫy một khi bị phân ly, giống như đêm tối và ánh trăng sẽ không còn ý nghĩa nếu chẳng đi đôi. (7)

कन्दर्परत्योरिव लक्ष्यभूतं प्रमोदनन्दोरिव नीडभूतं ।

प्रहर्षतुष्टयोरिव पात्रभूतं द्वन्द्वं सहारस्तं मदान्धभूतं ॥ ८ ॥

Đôi bạn tình ấy quấn quít bên nhau một cách si dục, như là một biểu hiện của tình yêu và lạc thú, là tổ ấm của sự khoái cảm và niềm vui sướng, là cái nôi của sự đam mê và lòng thỏa mãn. (8)

परस्परोद्दीक्षणतत्पराक्षं परस्परव्याहृतसक्तवित्तं ।

परस्पराश्लेषहृताङ्गरागं परस्परं तन्मिथुनं जहार ॥ ९ ॥

Đôi bạn ấy cuốn hút lẫn nhau với ánh mắt đôi bên nhìn nhau qua lại, với tâm trí chú ý vào giọng nói trao đổi với nhau, và bởi sự đam mê xác thịt thể hiện qua sự ôm ấp lẫn nhau. (9)

भावानुरक्तौ गिरिनिर्झरस्थौ तौ किन्नरीकिंपुरुषाविबोभौ ।

चिकीडतुश्चाभिविरेजतुश्च रूपश्रियान्योन्यमिवाक्षिपन्तौ ॥ १० ॥

Hai người yêu đường và gỏi hứng cho nhau y như là đang thách thức lẫn nhau bằng vẻ huy hoàng của cơ thể, giống như một cặp nam nữ loài Kinnara (Kinnara) đang đùa nói giỡn thách nước vì yêu mến khung cảnh thiên nhiên. (10)

अन्योन्यसंरागविवर्धनेन तद्द्वन्द्वमन्योन्यमरीरमच ।

हृमान्तरेऽन्योन्यविनोदनेन सलीलमन्योन्यममीमदच ॥ ११ ॥

Đôi bạn ấy yêu đương lẫn nhau với nỗi đam mê được gia tăng từ cả hai phía. Vào lúc đã mệt mỏi, họ vẫn say đắm bên nhau hoan lạc bằng cách cột đũa qua lại (11)

विभूषयामास ततः प्रियां स सिधेविषुस्तां न मृजावहार्थं ।

स्वेनैव रूपेण विभूषिता हि विभूषणानामपि भूषणं सा ॥ ११ ॥

Có lần Nanda trang điểm cho người yêu vì muốn chiều chuộng nàng chủ không vì mục đích làm đẹp, bởi vì nàng đã được điểm trang bằng chính nhan sắc của chính mình; nàng vốn đã là một vật trang sức giữa các món đồ trang sức. (12)

दत्त्वाथ सा दर्पणमस्य हस्ते ममाग्रतो धारय तावदेनं ।

विशेषकं यावद्दृष्टं करोमीत्युवाच कान्तं स च तं बभार ॥ १२ ॥

Lần ấy, nàng đã trao tận tay người yêu một cái gương soi mặt và nói rằng: "Chàng hãy cầm cái gương đặt phía trước mặt em để em hoàn tất nốt son này," và Nanda đã giữ lấy cái gương. (13)

भर्तुस्ततः श्मश्रु निरीक्षमाणा विशेषकं सापि चकार तादृक् ।

निश्वासवातेन च दर्पणस्य चिकित्सयित्वा निजघान नन्दः ॥ १३ ॥

Khi nhìn thấy bộ râu mép của chồng, nàng đã vẽ nốt ruồi giống y như thế. Và Nanda đã cố tình che đi không cho nàng thấy bằng cách thổi mạnh vào gương. (14)

सा तेन चेष्टाललितेन भर्तुः शाठ्येन चान्तर्मनसा जहास ।

भवेच्च रुष्टा किल नाम तस्मै ललाटजिह्वां भृकुटिं चकार ॥ १४ ॥

Nàng cười thầm trong tâm về hành động đùa giỡn tình nghịch của chàng. Rồi giả vờ tỏ vẻ bất bình, nàng đỏ cau mày nhìn mặt vờ chàng. (15)

चिक्षेप कर्णोत्पलमस्य चांसे करेण सव्येन मदालसेन ।

पत्याङ्गलिं चार्धनिमीलिताक्षे चक्रेऽस्य तामेव विनिर्दुधाव ॥ १६ ॥

Vờ cánh tay trái không còn sinh khí của sự cuồng nhiệt, nàng ném chiếc bông tai hình hoa sen trên vai chàng, rồi dùng ngón tay đánh sấm dấm lên khuôn mặt của chàng (lúc ấy) cặp mắt đang khép lim dim. (16)

ततश्चलद्गुरयोक्रिताभ्यां नखप्रभोद्भासितराङ्गलिभ्यां ।

पद्म्यां प्रियाया नलिनोपमाभ्यां मूर्ध्ना भयान्नाम ननाम नन्दः ॥ १७ ॥

Nanda, khi ấy giả vờ hoảng sợ, run rẩy quý xuống đặt đầu mình lên đôi bàn chân của người yêu trông giống như hai đóa hoa sen, vờ hai ngón cái rúc rỏ bởi màu sắc chói lọi của móng chân và vật trang sức buộc chặt ở hai ngón chân ấy. (17)

स मुक्तपुष्पोन्मिषितेन मूर्ध्ना ततः प्रियायाः प्रियकृद्भासे ।

सुवर्णविद्यामनिलावभग्नः पुष्पातिभारादिव नागवृक्षः ॥ १८ ॥

Giống như một cây long thọ nặng trĩu đầy những hoa bị làn gió đùa ngả, Nanda, để làm đẹp lòng người yêu, đã nghiêng đầu lìm kiếm chiếc hoa tai rơi cạnh chiếc ghế đầu bằng vàng. (18)

सा तं स्तनोद्धर्ति तहारपटिरुत्थापयामास निपीड्य दोभ्यां ।

कथं कृतोऽसीति जहास चोच्चैर्मुखेन साचीकृतकुण्डलेन ॥ १९ ॥

Nàng đã vươn đôi tay ôm chặt lấy chàng khiến xâu chuỗi ngọc rơi vớt vào trên bầu nhũ hoa. Nàng đỡ chàng dậy và nói: "Anh làm cái gì gì thế này?" rồi sau đó cười nắc nẻ khiến chòm bông tai đung đưa ra phía trước mặt. (19)

पत्युस्ततो दर्पणसक्तपाणेर्मुहुर्मुहुर्बकमवेक्षमाणा ।

तमालपत्रार्द्रतले कपोले समापयामास विशेषकं तत् ॥ २० ॥

Sau đó, liếc nhìn nhiều lần vào khuôn mặt của chồng (lúc ấy) đang cầm cái gương trong tay, nàng đã vẽ xong nốt son ở má trên làn da được bôi trơn bởi nhựa của lá cây tamala (tá-ma-lá). (20)

तस्या मुखं तत्सतमालपपत्रं ताम्राधरौष्ठं चिकुरापताक्षं ।

रक्ताधिकाग्रं पतितद्विरेकं सशैबलं पद्ममिवावभासे ॥ २१ ॥

Khuôn mặt nàng trông giống như một đoá hoa sen thanh khiết vì được thoa lên lớp dầu tạo từ nhựa lá cây tamala, với đôi môi màu đỏ sậm và vờ cùng rực rỡ ở phần chóp, với đôi mắt long lanh mờ rộng như là hai chú ong đang bay lượn. (21)

नन्दस्ततो दर्पणमादरेण विभ्रत्तदामण्डनसाक्षिभूतं ।

विशेषकवेक्षणकेकराक्षो लङ्घिप्रियाया वदनं ददर्श ॥ २२ ॥

Rồi trong khi ấy, với vẻ thận trọng, Nanda đã nắm chặt cái gương soi là vật ghi nhận tiến trình của việc trang điểm, và liếc mắt nhìn ở vết son; khi nhìn thấy được khuôn mặt người yêu, chàng mới biết là nàng đang đùa nghịch. (22)

तत्कुण्डलादृष्टविशेषकान्तं कारणवक्त्रिष्टमिवारविन्द ।

नन्दः प्रियाया मुखमीक्षमाणो भूयः प्रियानन्दकरो बभूव ॥ २३ ॥

Nghĩa là, khi Nanda nhìn lại khuôn mặt người yêu và nhận thấy đuôi của vết son được kéo dài đến tận chiếc bóng tai, khiến mặt nàng trông giống như là một đóa sen đang bị rìa rỏi bởi chú vệt trời; một lần nữa, chàng đã đem lại niềm vui cho nàng. (23)

विमानकल्पे स विमानगर्भे ततस्तथा चैव ननन्द नन्दः ।

तथागतथागतभैक्षकालो भैक्षाय तस्य प्रविवेश वेदम ॥ २४ ॥

Trong khi Nanda đang vui đùa ở nội cung giống như là một cung điện ở cõi trời thì thời giờ khát thực đã đến, và Đấng Như Lai đã đi vào trong lâu đài của Nanda để khát thực. (24)

अवाङ्मुखो निष्पणयश्च तस्थौ भ्रातुर्हिऽन्यस्य गृहे ययैव ।

तस्मादथो प्रेक्ष्यजनप्रमादादाद्विश्रामलब्ध्वैव पुनर्जगाम ॥ २५ ॥

Với khuôn mặt cúi xuống và không một cử chỉ gợi ý, Đức Phật đứng trước nhà của người em cùng cha khác mẹ cũng giống như lúc đang đứng trước ngôi nhà của những người khác. Bởi thế, do sự sợ ý của kẻ hầu người hạ, nên Đức Phật chẳng nhận được thức ăn gì và lại tiếp tục bước đi. (25)

काचित्पिपेषानुविलेपनं हि वासोऽङ्गना काचिद्वासयच ।

अयोजयत्स्नानविधिं तथान्या जग्रन्धुरन्याः सुरभीः स्नजश्च ॥ २६ ॥

Chỉ vì các cô nữ tỳ, kẻ thì lo chuẩn bị dầu thơm để xoa có thể, người thì đang khoát xiêm y cho nhau, kẻ thì lo

sắp đặt cho lễ tẩy trần, còn những người khác bận kết những tràng hoa tươi. (26)

तस्मिन् गृहे भर्तुरतश्चरन्त्यः कीदानुरूपं ललितं नियोगं ।

काञ्चिन्न बुद्धं ददृशुर्षुवत्यो बुद्धस्य वैषा नियतं मनीषा ॥ २७ ॥

Bởi vì bận tham gia góp phần trong cuộc đua giỡn trần đầy khoái lạc của chủ nhân, nên không ai trong các cô gái trẻ ở ngôi nhà ấy trông thấy Đức Phật. Chắc chắn là Ngài cũng đã biết như thế. (27)

काचित्स्थिता तत्र तु हर्म्यपृष्ठे गवाक्षपक्षे प्रणिधाय चक्षुः ।

विनिष्पतन्तं सुगतं ददर्श पयोदगर्भादिव दीप्तमर्कं ॥ २८ ॥

Nhưng ở đó, có một cô nữ tỳ, lúc ấy đang đứng ở lầu trên của lầu đài, nhìn xuống qua cửa sổ và thấy Đức Phật đang đi khỏi, trông giống như một trời lá rụng ra từ giữa đám mây. (28)

सा गौरवं तत्र विचार्य भर्तुः स्वयां च भक्त्याहृतपार्हतश्च ।

नन्दस्य तस्यौ पुरतो विवक्षुस्तदाज्ञया चेति तदाचक्षे ॥ २९ ॥

Nghĩ đến sự quan hệ giữa Đấng Tôn-sư và chủ nhân của mình, đồng thời vì niềm tin của chính nàng đối với Bậc Vô-lậu, cũng như sự xứng đáng để được tôn vinh của Ngài, mà nàng đã đến trước Nanda với lòng mong muốn báo tin cho chủ rồ. Sau đó, theo lệnh của Nanda, nàng đã thuật lại sự việc như vậy: (29)

अनुग्रहायास्य जनस्य शङ्के गुरुर्गृहं नो भगवान्प्रविष्टः ।

भिक्षामलब्ध्वा गिरमासनं वा शून्यादरण्यादिव याति भूयः ॥ ३० ॥

- “Thiếp nghĩ rằng Đấng Tôn-sư tức là Đức Thế Tôn vào đến chỗ ở của chúng ta nhằm mục đích tiếp độ cho quyến thuộc của Ngài, mà Ngài đã không thọ nhận được gì từ thức ăn, đến lời chào hỏi, hoặc chỗ ngồi, y như là Ngài vừa từ già khu rừng hoang vắng thêm một lần nữa!” (30)

श्रुत्वा महर्षेः स गहप्रवेशं सत्कारहीनं च पुनःप्रयाणं ।

चचाल चित्राभरणाम्बरस्रक्लपद्रुमो धूत इवानिलेन ॥ ३१ ॥

Nghe việc Bậc Đại Ấn-sĩ đến nhà rồi lại ra đi mà không được tiếp đón niềm nở, Nanda, với các vật trang sức, lụa là, và tràng hoa tuyệt hảo trên người, chợt trở nên run rẩy trông giống như một cây Như-ý* đang bị chao động trước làn gió vợi. (31)

कृत्वाञ्जलिं मूर्धनि पद्मकल्पं ततः स कान्तां गमनं ययाचे ।

कर्तुं गमिष्यामि गुरौ प्रणामं मामभ्यनुज्ञातुमिदार्हसीति ॥ ३२ ॥

Sau đó, Nanda đã chấp tay lại như búp sen đột lên đầu rồi nấn nỉ người yêu để ra đi. “Anh phải đi đến đánh lễ Đấng Tôn-sư. Trong trường hợp này, em hãy ban ân huệ cho anh đi nhé.” (32)

सा वेपमाना परिसस्वजे तं शालं लता वातसमीरितेव ।

ददर्श चाश्रुप्लुतलोल्नेना दीर्घं च निश्चस्य बचोऽभ्युवाच ॥ ३३ ॥

Sundarī đã run rẩy òm chặt lấy Nanda, tưởng tợ như giống giầy leo dại bị gió lay động quẩn chặt lấy thân cây sala (sa-la). Rồi nàng đã nhìn chàng với đôi mắt long lanh đầm lệ, thở dài, và đáp lại rằng: (33)

नाहं विद्यासोर्गुरुदर्शनार्थमहामि कर्तुं तव धर्मपीडा ।

गच्छार्यपुत्रैहि च शीघ्रमेव विशेषको यावदयं न शुष्कः ॥ ३४ ॥

- “Thiếp chẳng nên cản trở công việc của chàng, một khi chàng đã muốn đi diện kiến Bậc Đạo-sư. Tưởng công đi, chàng hãy đi đi và mau mau trở lại trước khi vết sơn này khô nhé.” (34)

सचेद्भवेस्त्वं खलु दीर्घसूत्रो दण्डं महान्तं त्वयि पातयेयं ।

मुहुर्मुहुस्त्वां शयितं कुचाभ्यां विबोधयेयं च न चालयेयं ॥ ३५ ॥

“Nếu chàng cố tình chần chờ kéo dài thời gian, thì thiếp sẽ bắt chàng phải gánh lấy khổ hình khốc liệt. Mỗi khi chàng ngủ, thiếp sẽ dùng hai bầu vú này đánh thức chàng dậy và sẽ không thêm trò chuyện với chàng nữa.” (35)

अथाप्यनादयानविशेषकार्यां मय्येष्यसि त्वं त्वरितं ततस्त्वां ।

निपीडयिष्यामि भुजद्वयेन निर्भूषणेनाद्रविलेपनेन ॥ ३६ ॥

“Tuy nhiên, nếu chàng nhanh chóng trở về bên thiếp khi vết sơn này chưa khô ráo, thì thiếp sẽ ôm chặt lấy chàng với đôi tay trần có nước sơn hãy còn ướt này và chưa kịp điểm trang gì cả.” (36)

इत्येवमुक्तश्च निपीडितश्च तयासवर्णस्यनया जगाद् ।

एवं करिष्यामि विमुञ्च चण्डे यावद्गुरुर्दूरगतो न मे सः ॥ ३७ ॥

Bị nàng ôm chặt và nói như thế với một giọng nói không giống như mọi khi, Nanda liền đáp: “Anh sẽ làm y như vậy, đồ quỷ sứ ! Buông anh ra đi mà, nếu không thì Đấng Tôn-sư của anh sẽ đi xa mất đấy.” (37)

ततः स्तनोद्धर्तितचन्दनाभ्यां मुक्तो भुजाभ्यां न तु मानसेन ।

विहाय वेषं मदनानुरूपं सत्कारयोग्यं स वपुर्वभार ॥ ३८ ॥

Sau đó, nàng đã buông Nanda khỏi đôi tay và bộ ngực ngào ngạt mùi hương tuyệt diệu, nhưng vẫn bám víu lấy chàng trong tâm khảm. Nanda đã cởi bỏ bộ áo quần chỉ thuận tiện cho việc yêu đương và khoác lên người bộ y phục thích hợp với chính sự. (38)

सा तं प्रयान्तं रमणं प्रदध्यौ प्रध्यानशून्यस्थितनिश्चलाक्षी ।

स्थितोचकणां व्यपविद्धशण्या भ्रान्तं मृगं भ्रान्तमुखी मृगीव ॥ ३९ ॥

Sundari nghĩ về người yêu đang rời xa với đôi mắt sâu thẳm, trống vắng, thần thờ, và bất động, trông giống như con hươu cái, với đôi tai vểnh lên, đầu ngúc ngắc qua lại khiến cô non đã gặm rồi là tà, khi nhỏ nhưng về con hươu đực đang phiêu bạt đó đây. (39)

दिदृक्षपाक्षिसमना मुनेस्तु नन्दः प्रयाणं प्रति तत्परे च ।

विवृत्तदृष्टिश्च शनैर्ययौ तां करीव पश्यन् स लडक्करेणु ॥ ४० ॥

Về phần Nanda, với tâm bị cuốn lôi bởi sự mong muốn diện kiến Đức Phật, đã vội vã giả tử, nhưng mắt ngoảnh lại nhìn khiến bước chân trở nên ngộp ngừng chậm chạp, trông giống như chú voi đực đang ngấm nhìn nàng voi cái, người bạn tinh của nó vậy. (40)

छातोदरीं पीनपयोधरोरुं स सुन्दरीं रुक्मदरीमिवाद्रेः ।

काक्षेण पश्यन्न ततर्पं नन्दः पिबन्निवैकेन जलं करेण ॥ ४१ ॥

Nhìn nàng Sundari với vẻ tuyệt vời của bộ ngực căng đầy có phần hóm sâu phần cách ở giữa trông như một

thung lũng phì nhiêu của ngọn núi; chỉ nhìn bằng mắt không thôi, Nanda lòng không thỏa mãn giống như tâm trạng của người uống nước chỉ với một bàn tay. (40)

तं गौरवं बुद्धगतं चकर्थ भार्यानुरागः पुनराचकर्थ ।

सोऽनिश्चयान्नापि ययौ न तस्थौ तुरस्तरङ्गेष्विव राजहंसः ॥ ४२ ॥

Lòng tôn kính Đức Phật kéo Nanda ra đi, nhưng sự quyến luyến hiền thê níu chàng trở lại. Nanda, lòng không dứt khoát, chẳng thể ra đi cũng chẳng thể đứng yên, giống như con chim thiên nga chúa bầy đang chấp chôn trên làn sóng nước. (42)

अदर्शनं तूष्णतश्च तस्या हर्म्यात्ततश्चावततार तूर्ण ।

श्रुत्वा ततो नूपुरनिस्वनं स पुनर्ललम्बे हृदये गृहीतः ॥ ४३ ॥

Rồi khi đã đi khuất không còn thấy nàng nữa, Nanda vội vã lao xuống rồi khỏi tòa nhà. Sau đó, khi nghe tiếng leng keng của vòng kiềng ở chân nàng, Nanda, một lần nữa, lại bần thần và trái tim như thất lạc. (43)

स कामरागेण निगूहमाणो धर्मानुरागेण च कृष्यमाणः ।

जगाम दुःखेन विवर्त्यमानः प्लवः प्रति सौ इवाफगायाः ॥ ४४ ॥

Phần bị lòng đam mê ái luyến níu giữ lại, phần do lòng kính yêu Giáo-pháp thu hút, phần vì còn phần vẩn lũng lự, Nanda ra đi với cái lòng tan nát, tưởng tợ như con thuyền lội ngược nước đang bị quay mòng ở giữa giòng sông. (44)

ततः कर्मदीर्घतमैः प्रचकमे कथं नु यातो न गुरुमिदिति ।

स्वजेय तां चैव विशेषकप्रियां कथं प्रियामार्द्रविशेषकामिति ॥ ४५ ॥

Sau đó, Nanda sải bước ra đi (nhưng lòng vẫn suy nghĩ)
 “Không chừng Đấng Tôn-sư đã đi rồi?” “Hay là ta nên
 quay về ôm ấp người yêu lý tưởng của ta, và không
 chừng vết sơn vẫn còn chưa ráo?” (45)

अथ स पथि ददर्श मुक्तमानं पितृनगरेऽपि तथागताभिमानं ।

दशबलम्भितो विलम्बमानं ध्वजमनुयानं श्वेन्द्रमर्च्यमानं ॥ ४६ ॥

Rồi Nanda tiếp tục bước đi và thấy Đấng Thập Lực, là
 bậc có tám đã giải thoát cũng như lòng ngã mạn đã
 không còn, trên đường đi ngay chính trong thành phố
 của tổ tiên. Ngài đang dừng lại và đang được hoan
 nghênh từ mọi phía, như là ngọn cờ của thần Indra
 được tôn vinh ở khắp bốn phương vậy. (46)

सौन्दरन्दे महाकाव्ये भार्यायाचितको नाम चतुर्थः सर्गः ।

Chương thứ tư “Lời hứa hẹn với hiền thê”
 của bộ trường thi “Saundarananda”